

Số: **2416**/VHTC-KB
V/v Tuyên truyền một số văn bản mới về
công tác PCCC&CNCH và thông tin
về tình hình cháy nổ tháng 7/2023

Hạ Long, ngày **17** tháng 8 năm 2023

Kính gửi:

- Các Phòng ban, Công trường, Phân xưởng trong Công ty;
- Các đơn vị đối tác có hợp đồng bốc xúc, vận chuyển, san gạt đất đá; sàng chế biến than trong Công ty.

Căn cứ Chỉ thị số 1031/CT-VHTC ngày 06/4/2023 của Giám đốc Công ty về Chấn chỉnh thực hiện công tác PCCC&CNCH trong Công ty.

Thực hiện Kế hoạch số 181/KH-VHTC ngày 18/01/2023 về Kế hoạch triển khai công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ (PCCC&CNCH) năm 2023; Kế hoạch số 1049/KH-VHTC ngày 10/04/2023 về Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCCC & CNCH năm 2023.

Công ty CP Than Hà Tu - Vinacomin cập nhật, tuyên truyền, phổ biến nội dung một số văn bản mới về công tác PCCC&CNCH và thông tin về tình hình cháy, nổ tháng 7 năm 2023 cụ thể như sau:

1. Các văn bản cập nhật mới về công tác PCCC&CNCH (có các văn bản đính kèm).

a. Quyết định số 819/QĐ-TTg ngày 07/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy (PCCC) thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b. Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023, quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Trong đó có giảm mức thu phí thẩm duyệt thiết kế về PCCC.

c. Công văn số 1796/UBND-NC ngày 10/7/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc tiếp tục triển khai các giải pháp tăng cường nguồn nước phục vụ công tác PCCC trên địa bàn tỉnh.

d. Công văn số 2056/UBND-NC ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác phòng cháy, chữa cháy ở địa bàn dân cư.

2. Thông tin về tình hình cháy, nổ.

- Theo thông tin từ Cục Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ (PCCC&CNCH) - Bộ Công an, trong tháng 7/2023, toàn quốc xảy ra 180 vụ cháy, làm chết 12 người, bị thương 07 người, thiệt hại tài sản ước tính 21,64 tỷ đồng và 6,39 ha rừng.

- Để hạn chế các vụ cháy, nổ, sự cố, tai nạn, bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản, lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH khuyến cáo người dân:

Thực hiện nghiêm các quy định an toàn PCCC trong sử dụng lửa, điện và khí đốt hóa lỏng tại gia đình. Hình thành thói quen quan sát, chuẩn bị lối thoát nạn dự phòng khi cháy, nổ xảy ra. Khi xảy cháy, phải thật bình tĩnh xử lý; báo cho mọi người xung quanh biết và tìm cách thoát khỏi đám cháy nhanh nhất; không trú ẩn dưới gầm giường, tủ quần áo, nhà vệ sinh... không dùng thang máy để thoát hiểm. Khi di chuyển thoát nạn cần hạ thấp cơ thể; dùng khăn, vải ướt để bảo vệ cơ quan hô hấp nếu phải băng qua lửa, khói; khi bị lửa bén cháy quần áo, phải nằm xuống, lăn qua lăn lại đến khi lửa tắt.

3. Tổ chức thực hiện

- Các Trưởng phòng, Quản đốc các đơn vị trong Công ty, các đ/c đội trưởng đội PCCC&CNCH cơ sở và chuyên ngành; Các đơn vị đối tác có hợp đồng bốc xúc, vận chuyển, san gạt đất đá; sàng chế biến than trong Công ty thực hiện nghiên cứu, tuyên truyền, phổ biến các nội dung trên trong các cuộc họp, cuộc giao ca của đơn vị cho CBCNV - NLĐ trong Công ty được biết và nghiêm túc thực hiện. Thực hiện lưu trữ các văn bản trong hồ sơ, ghi chép, cập nhật vào sổ “Theo dõi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ PCCC&CNCH” theo quy định.

- Văn phòng Công ty: Thực hiện tuyên truyền, phổ biến các nội dung đã nêu trên (từ ngày 18/8/2023 đến ngày 25/8/2023) trên Đài truyền thanh của Công ty, cập nhật nội dung vào Sổ theo dõi công tác tuyên truyền.

- Các phòng ban theo chức năng, nhiệm vụ căn cứ vào nội dung các văn bản mới chủ động rà soát, tham mưu triển khai sửa đổi, bổ sung các quy định của Công ty để thực hiện theo các quy định mới của Pháp luật, chỉ đạo của các cấp về công tác PCCC&CNCH.

Giám đốc Công ty yêu cầu các đơn vị triển khai thực hiện nghiêm túc./.

Nơi nhận:

- Như trên (e-copy);
- Đảng ủy Công ty (e-copy);
- CĐ, ĐTN, Hội CCB (e-copy);
- Các đ/c PGĐ, Trưởng BKS, KTTTr (e-copy);
- Thư ký Công ty (e-copy);
- Các đối tác (09);
- Lưu: VT, KB

Q. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quang Quảng

Số: 44/2023/TT-BTC

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2023

THÔNG TƯ

**Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm
hỗ trợ người dân và doanh nghiệp**

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ về Hội nghị Chính phủ với địa phương và Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3 năm 2023; chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 2614/VPCP-KTTH ngày 17 tháng 4 năm 2023 về phương án miễn, giảm thuế, phí, lệ phí cho năm 2023;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.

Điều 1. Mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp

1. Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023, mức thu một số khoản phí, lệ phí được quy định như sau:

Số tt	Tên phí, lệ phí	Mức thu
1	Phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường	Bằng 70% mức thu phí quy định tại Biểu mức thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường ban hành kèm theo Thông tư số 22/2020/TT-BTC ngày 10 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường.

Số tt	Tên phí, lệ phí	Mức thu
2	a) Lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng	Bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại điểm a Mục 1 Biểu mức thu lệ phí tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 150/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.
	b) Lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng	Bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại điểm b Mục 1 Biểu mức thu lệ phí tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 150/2016/TT-BTC.
3	a) Lệ phí cấp chứng nhận (chứng chỉ) năng lực hoạt động xây dựng cho tổ chức b) Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân	Bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.
4	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	Bằng 50% mức thu phí quy định tại Biểu mức thu phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) ban hành kèm theo Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng.
5	a) Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật (phí thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở)	Bằng 50% mức thu phí quy định tại Biểu mức thu phí thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, phí thẩm định dự toán xây dựng ban hành kèm theo

Số tt	Tên phí, lệ phí	Mức thu
	b) Phí thẩm định dự toán xây dựng	Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng.
6	a) Phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Bằng 50% mức thu phí quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.
	b) Phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch	Bằng 50% mức thu phí quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 33/2018/TT-BTC.
7	Phí khai thác, sử dụng nguồn nước do cơ quan trung ương thực hiện	Bằng 80% mức thu phí quy định tại Biểu mức thu phí khai thác, sử dụng nguồn nước do cơ quan trung ương thực hiện ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BTC ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng nguồn nước do cơ quan trung ương thực hiện.
8	Phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn	Bằng 70% mức thu phí quy định tại Biểu mức thu phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn ban hành kèm theo Thông tư số 197/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn.
9	a) Phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán (trừ 02 khoản phí, lệ phí quy định tại điểm b,	Bằng 50% mức thu phí, lệ phí quy định tại Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư

Số tt	Tên phí, lệ phí	Mức thu
	điểm c dưới đây)	số 25/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán.
	b) Lệ phí cấp mới, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận (chứng chỉ) hành nghề chứng khoán cho cá nhân hành nghề chứng khoán tại công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	Áp dụng mức thu lệ phí quy định tại điểm 15 Mục I Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 25/2022/TT-BTC.
	c) Phí giám sát hoạt động chứng khoán	Áp dụng mức thu phí quy định tại điểm 2 Mục II Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 25/2022/TT-BTC.
10	a) Phí thẩm định nội dung tài liệu không kinh doanh để cấp giấy phép xuất bản	Bằng 50% mức thu phí quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 214/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung tài liệu không kinh doanh để cấp giấy phép xuất bản, lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh và lệ phí đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh.
	b) Lệ phí cấp phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	Bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 214/2016/TT-BTC.
	c) Lệ phí đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh	Bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 214/2016/TT-BTC.
11	a) Phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh	

Số tt	Tên phí, lệ phí	Mức thu
	có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân	
	a.1) Tại khu vực thành phố trực thuộc trung ương và khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh a.2) Tại các khu vực khác	Bằng 50% mức thu phí quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 4 Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá. Bằng 50% mức thu phí tương ứng quy định tại điểm a.1 của Số thứ tự 11.
	b) Lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá	
	b.1) Tại khu vực thành phố trực thuộc trung ương và khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh b.2) Tại các khu vực khác	Bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 Thông tư số 168/2016/TT-BTC. Bằng 50% mức thu lệ phí tương ứng quy định tại điểm b.1 của Số thứ tự 11.
12	Phí đăng ký (xác nhận) sử dụng mã số mã vạch nước ngoài	Bằng 50% mức thu phí quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 232/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp mã số mã vạch.
13	Lệ phí sở hữu công nghiệp	Bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại Mục A Biểu mức thu phí, lệ phí sở hữu công nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số



Số tt	Tên phí, lệ phí	Mức thu
		263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp.
14	Phí nhượng quyền khai thác cảng hàng không, sân bay	Bằng 90% mức thu phí quy định tại Điều 4 Thông tư số 247/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí nhượng quyền khai thác cảng hàng không, sân bay.
15	a) Lệ phí ra, vào cảng hàng không, sân bay đối với chuyến bay của nước ngoài đến các Cảng hàng không Việt Nam	Bằng 90% mức thu lệ phí quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 194/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí hải quan và lệ phí ra, vào cảng hàng không, sân bay đối với chuyến bay của nước ngoài đến các Cảng hàng không Việt Nam.
	b) Phí hải quan đối với chuyến bay của nước ngoài đến các Cảng hàng không Việt Nam	Bằng 90% mức thu phí quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 194/2016/TT-BTC.
16	a) Phí thẩm định cấp chứng chỉ, giấy phép, giấy chứng nhận trong hoạt động hàng không dân dụng; cấp giấy phép ra vào khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay (trừ nội dung thu tại các số thứ tự: 4.1, 4.2, 4.3, 4.4, 4.5.1, 5, 6 Mục VI Phần A Biểu mức thu phí, lệ phí áp dụng mức thu phí tương ứng quy định tại Mục VI Phần A Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không ban hành kèm theo Thông tư số 193/2016/TT-BTC)	Bằng 80% mức thu phí quy định tại Mục VI Phần A Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không ban hành kèm theo Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.
	b) Phí đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tàu bay (trừ nội dung thu tại số thứ tự 4 Mục	Bằng 80% mức thu phí quy định tại Mục VIII Phần A Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không ban hành kèm theo

Số tt	Tên phí, lệ phí	Mức thu
	VIII Phần A Biểu mức thu phí, lệ phí áp dụng mức thu phí tương ứng quy định tại Mục VIII Phần A Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không ban hành kèm theo Thông tư số 193/2016/TT-BTC)	Thông tư số 193/2016/TT-BTC.
17	a) Phí đăng ký giao dịch bảo đảm	Bằng 80% mức thu phí quy định tại điểm a, điểm b và điểm d Mục 1 Biểu mức thu phí tại Điều 4 Thông tư số 202/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm; và bằng 80% mức thu phí quy định tại điểm c, điểm đ Mục 1 Biểu mức thu phí tại Điều 1 Thông tư số 113/2017/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2016/TT-BTC.
	b) Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng động sản (trừ tàu bay), tàu biển	Bằng 80% mức thu phí quy định tại Mục 2 Biểu mức thu phí tại Điều 4 Thông tư số 202/2016/TT-BTC.
18	Phí thẩm định điều kiện kinh doanh trong hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động	Bằng 70% mức thu phí quy định tại Điều 1 Thông tư số 110/2017/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Biểu mức thu phí thẩm định điều kiện kinh doanh trong hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động ban hành kèm theo Thông tư số 245/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh trong hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.
19	a) Lệ phí cấp Giấy phép hoạt động đưa người lao động đi	Bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại Mục 1 Biểu mức thu tại Điều 4 Thông tư số



Số tt	Tên phí, lệ phí	Mức thu
	làm việc có thời hạn ở nước ngoài	259/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xác minh giấy tờ tài liệu, lệ phí cấp Giấy phép hoạt động đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.
	b) Phí xác minh giấy tờ, tài liệu theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân trong nước	Bằng 50% mức thu phí quy định tại Mục 3 Biểu mức thu tại Điều 4 Thông tư số 259/2016/TT-BTC.
20	a) Lệ phí cấp văn bằng bảo hộ, cấp chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp	Bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại điểm 1 Mục I Biểu phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.
	b) Lệ phí nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ	Bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại điểm 2 Mục I Biểu phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 207/2016/TT-BTC.
	c) Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề đại diện sở hữu công nghiệp, công bố, đăng bạ đại diện sở hữu công nghiệp	Bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại điểm 3 Mục I Biểu phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 207/2016/TT-BTC.
	<p>d) Phí bảo hộ giống cây trồng:</p> <p>d.1) Duy trì hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng: Từ năm thứ 1 đến năm thứ 3; từ năm thứ 4 đến năm thứ 6; từ năm thứ 7 đến năm thứ 9</p> <p>d.2) Duy trì hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng: Từ năm thứ 10 đến năm thứ 15; từ năm thứ 16 đến hết thời gian hiệu</p>	<p>Bằng 80% mức thu phí tương ứng quy định tại điểm 3 Mục III Biểu phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 207/2016/TT-BTC.</p> <p>Bằng 70% mức thu phí tương ứng quy định tại điểm 3 Mục III Biểu phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số</p>

Số tt	Tên phí, lệ phí	Mức thu
	lực của Bằng bảo hộ	207/2016/TT-BTC.
21	Lệ phí cấp hộ chiếu, giấy thông hành, giấy phép xuất cảnh, tem AB	Bằng 80% mức thu lệ phí quy định tại Mục I Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 25/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam.
22	a) Lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo	Bằng 80% mức thu lệ phí quy định tại Mục III Biểu mức thu tại Điều 1 Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.
	b) Lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ	Bằng 80% mức thu lệ phí quy định tại Mục IV Biểu mức thu tại Điều 1 Thông tư số 23/2019/TT-BTC.
23	a) Phí giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan	Bằng 50% mức thu phí quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 58/2020/TT-BTC ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xử lý vụ việc cạnh tranh.
	b) Phí thẩm định hồ sơ hưởng miễn trừ trong giải quyết vụ việc cạnh tranh	Bằng 50% mức thu phí quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 58/2020/TT-BTC.
24	Phí kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy	Bằng 50% mức thu phí quy định tại Biểu phí kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy ban hành kèm theo Thông tư số 02/2021/TT-BTC ngày 08 tháng 01 năm

Số tt	Tên phí, lệ phí	Mức thu
		2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy.
25	Phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy	Bằng 50% mức thu phí tính theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 258/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy.
26	Lệ phí cấp Căn cước công dân	Bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại Điều 4 Thông tư số 59/2019/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp Căn cước công dân.
27	Phí trong lĩnh vực y tế	Bằng 70% mức thu phí quy định tại Điều 1 Thông tư số 11/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế; và bằng 70% mức thu phí quy định tại Mục II; Mục III; các điểm 2, điểm 3, điểm 5, điểm 6, điểm 7, điểm 8, điểm 9 Mục IV; Mục V Biểu mức thu phí trong lĩnh vực y tế ban hành kèm theo Thông tư số 278/2016/TT-BTC.
28	Phí trong công tác an toàn thực phẩm	Bằng 90% mức thu phí quy định tại Biểu phí trong công tác an toàn thực phẩm ban hành kèm theo Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm.

Số tt	Tên phí, lệ phí	Mức thu
29	Phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thức ăn, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản	Bằng 90% mức thu phí quy định tại điểm 3 Mục II Biểu phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản ban hành kèm theo Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản.
30	Phí sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt	Bằng 50% mức thu phí quy định tại Điều 3 Thông tư số 295/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt.
31	Phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự; giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự; giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự	Bằng 80% mức thu phí quy định tại Mục I và Mục II Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 249/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự; giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự; giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự và lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự.
32	Phí trong chăn nuôi	Bằng 50% mức thu phí quy định tại Biểu mức thu phí trong chăn nuôi ban hành kèm theo Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi.
33	a) Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; thủy sản nhập khẩu, quá cảnh, tạm nhập tái xuất (gồm kho ngoại quan), chuyển cửa khẩu	Bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại điểm 1 Mục I Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y ban hành kèm theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

Số tt	Tên phí, lệ phí	Mức thu
	b) Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ thú y	Bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại điểm 2 Mục I Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y ban hành kèm theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC.
	c) Phí kiểm dịch động vật (kiểm tra lâm sàng gia cầm)	Bằng 50% mức thu phí quy định tại điểm 1.4 Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y ban hành kèm theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC.
34	Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng	Bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.
35	<p>Phí sử dụng tần số vô tuyến điện đối với nghiệp vụ di động mặt đất</p> <p>a) Mạng viễn thông di động mặt đất nhắn tin dùng riêng</p> <p>b) Mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động (bao gồm cả mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ), mạng viễn thông di động mặt</p>	<p>Bằng 80% mức thu phí quy định tại điểm 3.1 khoản 3 Mục II Phần B Biểu mức thu lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện ban hành kèm theo Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện.</p> <p>Bằng 80% mức thu phí quy định tại điểm 3.2 khoản 3 Mục II Phần B Biểu mức thu lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện</p>

Số tt	Tên phí, lệ phí	Mức thu
	đất trung kế	ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC.
36	Phí trình báo đường thủy nội địa	Bằng 50% mức thu phí quy định tại điểm 3 khoản 1 Điều 4 Thông tư số 248/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa.

a) Đối với phí sử dụng tần số vô tuyến điện quy định tại Số thứ tự 35 trong Biểu nêu trên: Trường hợp tổ chức, cá nhân đã nộp phí theo mức phí quy định tại Thông tư số 265/2016/TT-BTC và Thông tư số 11/2022/TT-BTC cho khoảng thời gian có hiệu lực của Thông tư này, tổ chức, cá nhân sẽ được bù trừ số tiền phí chênh lệch giữa mức phí theo quy định tại Thông tư số 265/2016/TT-BTC và Thông tư số 11/2022/TT-BTC với mức phí theo quy định tại Thông tư này vào số phí phải nộp của kỳ nộp phí tiếp theo. Tổ chức thu phí chịu trách nhiệm tính bù trừ tiền phí cho tổ chức, cá nhân vào kỳ nộp phí tiếp theo.

b) Các Thông tư được quy định viện dẫn trong Biểu nêu trên gọi chung là các Thông tư gốc.

2. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 trở đi, mức thu các khoản phí, lệ phí quy định tại Biểu nêu trên thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

3. Ngoài mức thu các khoản phí, lệ phí quy định trong Biểu trên, các nội dung khác liên quan đến: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; tổ chức thu phí, lệ phí; người nộp phí, lệ phí; các trường hợp miễn, không phải nộp phí, lệ phí; kê khai, nộp phí, lệ phí; mức thu các khoản phí, lệ phí; quản lý, sử dụng phí; chứng từ thu, công khai chế độ thu phí, lệ phí không quy định tại Thông tư này thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung! *W*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban Tài chính, Ngân sách;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các Hội, Đoàn thể;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Tài chính, Cục Thuế, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ CST (30Cb). *W*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Caó Anh Tuấn

Số: 1796/UBND-NC
V/v tiếp tục triển khai các giải pháp
tăng cường nguồn nước phục vụ
công tác PCCC trên địa bàn tỉnh

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 7 năm 2023

Kính gửi:

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành;
- Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh.

Ngày 27/12/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh có Văn bản số 9403/UBND-PC về việc triển khai các giải pháp tăng cường nguồn nước phục vụ công tác chữa cháy trên địa bàn tỉnh; trong đó, đã giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các địa phương triển khai khắc phục các tồn tại, hạn chế của hệ thống cấp nước phục vụ chữa cháy trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện của các đơn vị, địa phương còn hạn chế, cụ thể: (1) Một số địa phương cấp huyện chưa quan tâm chỉ đạo sửa chữa, khắc phục triệt để các hư hỏng của các trụ cấp nước chữa cháy trong các khu đô thị, khu dân cư trên địa bàn quản lý để bàn giao cho Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh quản lý, vận hành; (2) Chưa quan tâm đầu tư xây dựng các bến, bãi đỗ, cầu đỗ, hồ thu nước theo quy hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; (3) Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền và người dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng và tính cấp thiết của giải quyết nguồn nước chữa cháy chưa đầy đủ.

Để triển khai khắc phục triệt để tình trạng thiếu nước chữa cháy, chủ động nguồn nước đầy đủ, kịp thời phục vụ yêu cầu công tác phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn tỉnh; căn cứ Văn bản số 2359/BXD-HTKT ngày 08/6/2023 của Bộ Xây dựng về việc tăng cường tổ chức triển khai hoạt động, nhiệm vụ trong công tác cấp nước phòng cháy, chữa cháy; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp khắc phục tồn tại về nguồn nước phục vụ chữa cháy trên địa bàn tỉnh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Văn bản số 9403/UBND-PC ngày 27/12/2021; trong đó lưu ý một số nội dung sau:

1. Về quy hoạch cấp nước PCCC

Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và các đơn vị chức năng có liên quan:

1.1. Tiến hành rà soát, kiểm tra các nội dung về quy hoạch cấp nước PCCC (nguồn nước sử dụng cho PCCC, lưu lượng, áp lực cần thiết trên mạng lưới cấp nước, vị trí họng, trụ lấy nước PCCC, bến bãi lấy nước,...) trong quá

trình lập, thẩm định, điều chỉnh đồ án quy hoạch xây dựng đô thị và khu công nghiệp; quy hoạch chuyên ngành cấp, thoát nước.

1.2. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc xây dựng, thiết kế hệ thống cấp nước PCCC bảo đảm tuân thủ theo quy hoạch, thiết kế đã được thẩm định, phê duyệt theo Quyết định số 3911/QĐ-UBND ngày 18/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Quy hoạch cấp nước và hệ thống cấp nước phòng cháy, chữa cháy tập trung tại các đô thị và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Về thiết kế, xây dựng hệ thống cấp nước PCCC

2.1. Các cơ quan chuyên môn về xây dựng (Sở Xây dựng, Ban Quản lý khu kinh tế Quảng Ninh và Ủy ban nhân dân các địa phương) theo thẩm quyền chủ trì hoặc phối hợp với Công an tỉnh kiểm tra, đánh giá việc xây dựng, thiết kế hệ thống cấp nước PCCC trong quá trình thẩm định, phê duyệt, nghiệm thu công trình tại đô thị và khu công nghiệp, gồm: thiết kế tuyến ống cấp nước, họng, trụ lấy nước PCCC, trụ nước chữa cháy ngầm, bể nước PCCC dự phòng (theo hướng dẫn của cơ quan Cảnh sát PCCC), điểm lấy nước (bến, bãi, hồ ga) tại ao, hồ, sông, suối...) được quy hoạch làm nguồn nước PCCC. Việc thiết kế phải tuân thủ quy hoạch, bảo đảm phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật như: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình QCVN 06:2022/BXD (Mục 5. Cấp nước chữa cháy), Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD (Mục 2.10. Yêu cầu về cấp nước), Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình cấp nước QCVN 07-1:2016/BXD (Mục 2.5. Mạng lưới cấp nước)... và áp dụng các phiên bản mới nhất trong trường hợp thay thế, sửa đổi.

2.2. Sở Xây dựng, Ban Quản lý khu kinh tế Quảng Ninh, Ủy ban nhân dân các địa phương tăng cường chỉ đạo các bộ phận chức năng kiểm tra, giám sát việc xây dựng, thiết kế hệ thống cấp nước PCCC bảo đảm tuân thủ quy hoạch, thiết kế đã được thẩm định, phê duyệt.

2.3. Giao Công an tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn rà soát việc xây dựng bể nước dự phòng tại khu vực không thể lắp họng, trụ lấy nước PCCC, không có hệ thống cấp nước tập trung; thiết kế, lắp đặt họng, trụ nước chữa cháy ngầm đối với phố, ngõ, hẻm không bố trí được họng, trụ nước chữa cháy nổi.

- Theo chức năng, nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá việc xây dựng, thiết kế hệ thống cấp nước PCCC trong quá trình thẩm định, thẩm duyệt, nghiệm thu công trình tại khu đô thị và khu công nghiệp theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

3. Việc đầu tư, quản lý, duy tu, bảo vệ công trình thiết bị cấp nước PCCC

3.1. Định kỳ vào tháng 7 hằng năm, giao Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh, Ủy ban nhân dân các địa phương, Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh tổ chức tổng kiểm tra, rà soát, đánh giá thực trạng của các họng, trụ lấy nước; lập danh mục ao, hồ, sông,

suối, bến bãi lấy nước tại các khu đô thị và khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đặc biệt là các khu dân cư cũ. Căn cứ kết quả kiểm tra, rà soát, Ủy ban nhân dân các địa phương xây dựng phương án, kế hoạch đầu tư hệ thống cấp nước PCCC theo quy định, đáp ứng yêu cầu thực tế của địa phương (hạng, trụ lấy nước PCCC, bến bãi, bể nước dự phòng...).

3.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn để xây dựng, cải tạo, duy tu, bảo dưỡng các dự án, công trình cấp nước PCCC theo quy định.

3.3. Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, các đơn vị, doanh nghiệp có liên quan bảo đảm giao thông, nguồn nước chữa cháy theo quy định; tăng cường quản lý, bảo quản, bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống cấp nước chữa cháy tại các khu công nghiệp.

3.4. Sở Giao thông Vận tải chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng tham mưu việc lắp đặt, quản lý và bảo trì các biển báo tại các bến, bãi, điểm lấy nước phục vụ chữa cháy đối với các luồng, tuyến do mình quản lý.

3.5. Ủy ban nhân dân các địa phương: (1) Khẩn trương rà soát, triển khai sửa chữa, khắc phục ngay các hư hỏng của các trụ nước chữa cháy thuộc địa bàn quản lý. Sau đó, bàn giao hệ thống trụ nước chữa cháy do địa phương mình là chủ đầu tư cho Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh quản lý theo quy định; (2) Đôn đốc Chủ đầu tư các dự án khu dân cư, khu đô thị đã được nghiệm thu, đưa vào sử dụng bàn giao hệ thống trụ nước chữa cháy trong khu đô thị, khu dân cư cho Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh quản lý theo quy định.

3.6. Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh chỉ đạo các xí nghiệp nước tiếp nhận, duy tu, bảo dưỡng, bảo vệ hệ thống cấp nước phòng cháy, chữa cháy, các hạng, trụ nước chữa cháy tại các khu đô thị, khu dân cư theo địa bàn khi được bàn giao. Hằng năm, rà soát lập dự toán kinh phí khắc phục ngay các hư hỏng của trụ nước chữa cháy bảo đảm hệ thống cấp nước chữa cháy hoạt động đáp ứng yêu cầu công tác PCCC.

4. Công tác truyền thông về cấp nước PCCC

4.1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, chính quyền các địa phương tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật, các quy định của Nhà nước về cấp nước PCCC, tầm quan trọng của việc cấp nước PCCC trong phạm vi quản lý.

4.2. Công an tỉnh thường xuyên tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn đôn đốc các cấp, các ngành, địa phương, cơ quan, doanh nghiệp thực hiện nghiêm việc cấp nước chữa cháy trong phạm vi quản lý.

4.3. Ủy ban nhân dân các địa phương đẩy mạnh tuyên truyền xây dựng, phát động phong trào toàn dân bảo vệ hệ thống cấp nước PCCC.

4.4. Trung tâm Truyền thông tỉnh và Trung tâm Truyền thông và Văn hóa cấp huyện tăng cường xây dựng các phóng sự, đưa tin, bài tuyên truyền phổ biến pháp luật, các quy định của Nhà nước về cấp nước PCCC, phản ánh các hành vi



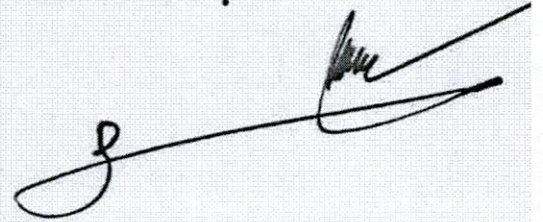
phá hoại, làm hư hỏng hệ thống cấp nước PCCC, sử dụng nước từ hệ thống cấp nước PCCC sai mục đích.

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Tổng Giám đốc Công ty CP nước sạch Quảng Ninh triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung trên. Giao Công an tỉnh chủ trì theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện của các đơn vị, địa phương; tập hợp kết quả, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Bộ Xây dựng (b/cáo);
 - Cục Cảnh sát PCCC và CNCH (b/cáo);
 - TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/cáo);
 - V0-V3; NC, XD1;
 - Lưu: VT, PC.
- TP-CV90

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Khăng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 2056 /UBND-NC
V/v tiếp tục đẩy mạnh công tác
phòng cháy, chữa cháy ở
địa bàn dân cư

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 7 năm 2023

Kính gửi:

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Thời gian qua, trên cả nước liên tục xảy ra các vụ cháy nhà ở, nhà ở kết hợp kinh doanh làm nhiều người chết thương tâm; đặc biệt chỉ trong tháng 7 đã xảy ra 04 vụ cháy, cụ thể: (1) Vụ cháy nhà ở kết hợp kinh doanh tại ngõ Thổ Quan, quận Đống Đa, Hà Nội ngày 08/7/2023, làm 03 người chết; (2) Vụ cháy nhà ở 03 tầng tại phường Trung Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa ngày 13/7/2023, làm 02 người chết; (3) Vụ cháy nhà ở 3 tầng tại phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình ngày 15/7/2022, làm 03 người chết; (4) Vụ cháy nhà để ở kết hợp kinh doanh xe đạp, xe máy điện tại xã An Khánh, huyện Hoài Đức ngày 19/7/2023, làm 03 người chết. Nguyên nhân dẫn đến các vụ cháy, gây hậu quả nặng nề nêu trên, bên cạnh các nguyên nhân rủi ro thì một phần do người dân còn thiếu kiến thức về phòng cháy, chữa cháy và kỹ năng thoát nạn, các hộ gia đình chưa trang bị phương tiện chữa cháy tại chỗ; hạ tầng giao thông ở nhiều nơi không bảo đảm cho phương tiện của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH tiếp cận để triển khai công tác chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ kịp thời.

Ngày 07/02/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 21/KH-UBND tổ chức thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy trong tình hình mới; trong đó chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh công tác phòng cháy, chữa cháy trong khu dân cư với các nhiệm vụ cụ thể rất quan trọng và giải pháp đột phá trong công tác phòng cháy, chữa cháy là xây dựng các mô hình "Tổ liên gia an toàn phòng cháy, chữa cháy", mô hình "Điểm chữa cháy công cộng"; tuyên truyền kiến thức phòng cháy, chữa cháy và phát động mỗi hộ gia đình trang bị tối thiểu 01 bình chữa cháy. Tuy nhiên, tổng hợp của Công an tỉnh, kết quả còn nhiều hạn chế, chính quyền một số địa phương chưa thực sự quan tâm chỉ đạo thực hiện. Tính đến ngày 14/7/2023, toàn tỉnh mới chỉ xây dựng được 295 mô hình "Điểm chữa cháy công cộng", 305 mô hình "Tổ liên gia an toàn phòng cháy, chữa cháy" (đạt 18% so với yêu cầu), có 32% số hộ gia đình đã trang bị bình chữa cháy.

Để nâng cao hiệu quả công tác phòng cháy, chữa cháy ở địa bàn dân cư; theo báo cáo, đề nghị của Công an tỉnh tại Tờ trình số 5065/TTr-CAT-PCCC

ngày 26/7/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung sau:

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự vào cuộc của các cơ quan, tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp trên địa bàn; bố trí, vận dụng tối đa các nguồn kinh phí, xã hội hóa để tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác phòng cháy, chữa cháy ở địa bàn dân cư; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhân dân tiếp tục thực hiện các nội dung sau:

a) Chỉ đạo tuyên truyền, vận động xây dựng mô hình “Tổ liên gia an toàn phòng cháy, chữa cháy” tại 100% các dãy phố có nhà để ở kết hợp sản xuất, kinh doanh hàng hóa, chất dễ cháy, nổ liền kề và mô hình “Điểm chữa cháy công cộng” tại 100% khu vực dân cư có các ngõ, hẻm tập trung đông dân cư, có chiều dài từ 50 m trở lên mà xe chữa cháy không thể tiếp cận được (hoàn thành trước ngày 30/9/2023).

b) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện; đồng thời, huy động Bí thư chi bộ, Khu trưởng, Tổ trưởng dân phố, lực lượng Dân phòng ở các khu dân cư đẩy mạnh tuyên truyền, vận động các hộ gia đình trang bị bình chữa cháy; phấn đấu đến 30/9/2023 có ít nhất 60% hộ gia đình trang bị bình chữa cháy; đến ngày 31/12/2023, 100% hộ gia đình trang bị bình chữa cháy.

c) Tiếp tục tuyên truyền, vận động các hộ gia đình thực hiện tháo dỡ lồng sắt, “chuồng cọp”, tạo lối thoát nạn thứ hai.

d) Rà soát, tháo dỡ các cọc chắn, chỉnh sửa các cổng chào trên các tuyến đường bảo đảm cho xe chữa cháy có thể tiếp cận để thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (hoàn thành trước ngày 30/10/2023).

đ) Tổ chức rà soát, đánh giá tổng thể và xây dựng kế hoạch, lộ trình cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các cầu, cống, các khúc cua gấp, các đoạn đường hẹp, các tuyến đường trong các khu dân cư bảo đảm chiều rộng, tải trọng đường cho xe chữa cháy hoạt động, báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Công an tỉnh) để tổng hợp trước ngày 31/12/2023.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh:

a) Tổ chức tuyên truyền sâu rộng kiến thức, kỹ năng phòng cháy, chữa cháy, phát động phong trào cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trang bị bình chữa cháy cho gia đình (trong đó yêu cầu đảng viên, cán bộ, công chức các cơ quan nhà nước phải gương mẫu thực hiện).

b) Vận dụng các nguồn kinh phí để có chính sách hỗ trợ, tặng bình chữa cháy cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc cơ quan, đơn vị mình và tặng bình chữa cháy cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn.

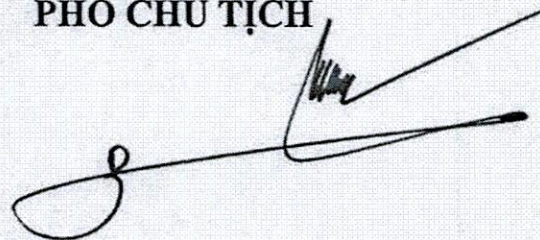
3. Công an tỉnh có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện của các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; tổng hợp kết quả báo cáo kết quả hàng tháng về Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công an theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên (t/hiện);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Bộ Công an;
- Cục Cảnh sát PCCC và CNCH;
- Trung tâm Truyền thông tỉnh;
- V0-V3; NC, TH4;
- Phòng HC-TC-QT-TV, VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, PC.

CA-CV111

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Khăng

1-1 2 15/2/2013

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 819 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ cho các Bộ tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2231/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an và căn cứ Báo cáo thẩm định số 708/BC-HĐTĐ ngày 20 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung chủ yếu sau đây:

I. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy phải phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch ngành;

- Hạ tầng phòng cháy và chữa cháy đóng vai trò quan trọng trong kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội cần được đầu tư đồng bộ, từng bước hiện đại góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển bền vững;

- Phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy trên cơ sở khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của từng vùng và từng bước hiện đại, kết nối đồng bộ, hiệu quả với hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi từng vùng kinh tế, từng địa phương, từng ngành và lĩnh vực; sử dụng và khai thác có hiệu quả quỹ đất phục vụ phòng cháy chữa cháy; tuân thủ và hoàn thiện thể chế về phân cấp, phân quyền huy động nguồn lực, tổ chức thực hiện cho địa phương;

- Huy động các nguồn lực, đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy; ưu tiên nguồn lực của Nhà nước đầu tư cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, lực lượng dân phòng; đẩy mạnh sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách đầu tư cho lực lượng phòng cháy chữa cháy cơ sở và chuyên ngành;

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại, công nghệ số, tự động hóa, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và các công nghệ hiện đại khác trong xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống hạ tầng phòng cháy và chữa cháy.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu đến năm 2030

Phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy đồng bộ, hiện đại, phù hợp với điều kiện Việt Nam, tiến tới đạt tiêu chuẩn của các nước tiên tiến trên thế giới; kết nối đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật của quốc gia; kiểm chế sự gia tăng về cháy, nổ, bảo vệ tính mạng, sức khỏe con người và tài sản, bảo vệ môi trường, góp phần bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội, với một số nội dung cụ thể như sau:

- Xây dựng mạng lưới trụ sở, doanh trại, công trình phục vụ phòng cháy, chữa cháy, trong đó ưu tiên bố trí trụ sở các đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa

cháy và cứu nạn, cứu hộ tại các khu vực đô thị, các khu vực trọng điểm về phòng cháy và chữa cháy, đảm bảo mỗi đơn vị hành chính cấp huyện có tối thiểu 01 đội Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, công trình phục vụ ứng phó khẩn cấp, huấn luyện, chỉ huy điều hành, kiểm định phương tiện và nghiên cứu khoa học - công nghệ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ... đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Bảo đảm các điều kiện làm việc và hoạt động của các đội phòng cháy, chữa cháy cơ sở và chuyên ngành, đội dân phòng phù hợp với quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương theo quy định của pháp luật;

- Phát triển đồng bộ hệ thống cấp nước phòng cháy, chữa cháy, bảo đảm yêu cầu về lưu lượng, áp lực cần thiết theo quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn về phòng cháy và chữa cháy; khai thác triệt để và sử dụng hiệu quả các nguồn nước phục vụ công tác phòng cháy và chữa cháy;

- Phát triển đồng bộ các loại hình giao thông đáp ứng yêu cầu phòng cháy và chữa cháy; từng bước mở rộng, nâng cấp các tuyến đường, phố, ngõ trong các khu dân cư để xe chữa cháy có thể hoạt động khi xảy ra cháy, nổ, tai nạn, sự cố;

- Đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; hiện đại hóa hạ tầng thông tin, hệ thống trung tâm thông tin chỉ huy; hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu về phòng cháy chữa cháy và truyền tin báo sự cố; đảm bảo đồng bộ, thống nhất với hệ thống thông tin chỉ huy ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, hệ thống cơ sở dữ liệu nghiệp vụ của các bộ, ngành, địa phương; hoàn thành chuyển đổi số và cung cấp dịch vụ công mức độ cao nhất trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy.

b) Tầm nhìn đến năm 2050

Xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới trụ sở, doanh trại Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong phạm vi toàn quốc; đảm bảo bán kính bảo vệ của các đội Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đạt tiêu chuẩn của các nước tiên tiến trên thế giới; đảm bảo hệ thống cấp nước phòng cháy, chữa cháy, các loại hình giao thông và hệ thống thông tin chỉ huy điều hành chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ hiện đại, thống nhất, được kết nối đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật quốc gia, góp phần bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

II. QUY HOẠCH HẠ TẦNG PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY ĐẾN NĂM 2030

1. Phân vùng hạ tầng phòng cháy và chữa cháy

Căn cứ Quy hoạch tổng thể quốc gia và đặc thù của lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy, quy hoạch hạ tầng về phòng cháy và chữa cháy được phân thành 06 vùng; mỗi vùng có các địa phương trung tâm và địa phương trọng điểm, được ưu tiên đầu tư để hỗ trợ các địa phương trong vùng, giáp ranh khi có yêu cầu.

2. Phương hướng phát triển mạng lưới trụ sở, doanh trại, công trình phục vụ phòng cháy và chữa cháy

a) Xây dựng trụ sở, doanh trại, công trình của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

- Ở Trung ương:

+ Cơ quan Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

+ Trung tâm thông tin chỉ huy điều hành quốc gia về phòng cháy, chữa cháy gắn với triển khai “Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy và truyền tin báo sự cố”;

+ Trung tâm Huấn luyện và ứng phó về công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (khu vực miền Bắc, miền Nam và miền Trung);

+ Viện Nghiên cứu khoa học công nghệ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

+ Kho phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

+ Trung tâm bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (khu vực miền Bắc, miền Nam và miền Trung);

+ Bảo tàng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Việt Nam;

+ Nâng cấp, cải tạo, xây mới trụ sở, doanh trại, công trình phục vụ công tác giảng dạy, đào tạo, huấn luyện của Trường Đại học phòng cháy và chữa cháy.

- Ở địa phương:

+ Xây dựng mạng lưới trụ sở, doanh trại, công trình của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cấp tỉnh, cấp huyện, trong đó ưu tiên bố trí trụ sở các đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại các khu vực đô thị, các khu vực trọng điểm về phòng cháy và chữa cháy, đảm bảo mỗi đơn vị hành chính cấp huyện có tối thiểu 01 đội Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

+ Đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, công trình phục vụ ứng phó khẩn cấp, huấn luyện, chỉ huy điều hành, kiểm định phương tiện và nghiên cứu khoa học - công nghệ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, ... đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chính quy, tinh nhuệ, hiện đại và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quy mô tính chất hoạt động của từng đơn vị, địa phương.

+ Các Trung tâm giáo dục cộng đồng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (bố trí tại các địa phương trung tâm của Vùng).

b) Xây dựng trụ sở, công trình của lực lượng phòng cháy, chữa cháy chuyên ngành, cơ sở, dân phòng và tình nguyện

- Xây dựng, bố trí trụ sở làm việc cho các đội phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành; bảo đảm điều kiện hoạt động cho các đội phòng cháy, chữa cháy cơ sở và chuyên ngành phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển ngành, lĩnh vực, cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật;

- Bố trí, sắp xếp trụ sở làm việc và bảo đảm các điều kiện hoạt động cho lực lượng dân phòng phù hợp với quy mô, tính chất hoạt động ở địa phương;

- Nghiên cứu thí điểm thành lập và bố trí địa điểm hoạt động cho Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tình nguyện tại các khu đô thị, khu dân cư, làng nghề, cụm gia đình hoạt động kinh doanh dịch vụ...

3. Phương hướng phát triển hệ thống cung cấp nước phục vụ phòng cháy và chữa cháy

- Phát triển đồng bộ hệ thống cấp nước phòng cháy, chữa cháy tại các đô thị, khu công nghiệp đảm bảo tổng lưu lượng nước chữa cháy và phù hợp với Định hướng phát triển cấp nước đô thị, khu công nghiệp Việt Nam và các ngành, lĩnh vực có liên quan; các đường ống, họng, trụ lấy nước chữa cháy đảm bảo các yêu cầu về lưu lượng, áp lực cần thiết theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn về phòng cháy, chữa cháy và được lắp đặt thống nhất trên toàn bộ hệ thống cấp nước đô thị, khu công nghiệp và các địa bàn trọng điểm thuộc phạm vi lập quy hoạch;

- Khai thác triệt để và sử dụng hiệu quả các nguồn nước phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy; hoàn thành xây dựng các điểm lấy nước (bến, bãi, hố ga) thuận tiện cho xe chữa cháy lấy nước tại các ao, hồ, sông, suối, kênh... được quy hoạch làm nguồn nước phòng cháy, chữa cháy; nghiên cứu quy hoạch các điểm phục vụ cho máy bay chữa cháy lấy nước ở những nơi cần thiết;

- Xây dựng các bể nước phòng cháy, chữa cháy cho từng khu vực tại các khu dân cư có đường hẹp, không thể lắp đặt họng, trụ nước chữa cháy hoặc không có hệ thống cấp nước tập trung và nguồn nước tự nhiên; phấn đấu đến năm 2030 hầu hết các khu dân cư trên đều được xây dựng bể nước phòng cháy, chữa cháy.

4. Phương hướng phát triển hệ thống giao thông phục vụ phòng cháy và chữa cháy

- Phát triển đồng bộ hệ thống giao thông đường bộ đảm bảo phục vụ chữa cháy. Phấn đấu đến năm 2030, bảo đảm các tuyến đường giao thông đường bộ đến trung tâm cấp huyện đáp ứng yêu cầu phục vụ phòng cháy, chữa cháy (bảo đảm chiều cao, chiều rộng thông thủy, tải trọng của đường, cầu, cống, bãi đỗ và bãi quay đầu cho xe chữa cháy, xe chuyên dùng phục vụ chữa cháy hoạt động);

- Từng bước mở rộng, nâng cấp các tuyến đường, phố, ngõ trong các khu dân cư cũ để xe chữa cháy có thể hoạt động; giải quyết dứt điểm tình trạng các

đường, phố, ngõ vào khu dân cư bị chấn bởi đường dây viễn thông, điện lực, các loại cọc, công, rào, barie, mái che, mái vẩy làm cản trở khả năng di chuyển của xe chữa cháy và các loại xe chuyên dụng phục vụ chữa cháy và cứu nạn cứu hộ;

- Khai thác sử dụng hiệu quả mạng lưới giao thông đường thủy nội địa, đường biển, mạng lưới đường sắt phục vụ công tác phòng cháy và chữa cháy;

- Phát triển hệ thống bãi đỗ máy bay chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và hệ thống trung tâm chỉ huy điều hành bay phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn cứu hộ nhà cao tầng, phương tiện trên sông, biển và cháy rừng. Trước mắt, ưu tiên đầu tư cho Trung tâm huấn luyện và ứng phó khẩn cấp về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Bộ Công an và Công an một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

5. Phương hướng phát triển hệ thống thông tin liên lạc phục vụ phòng cháy và chữa cháy

- Đảm bảo hệ thống thông tin đồng bộ, thống nhất, có khả năng kết nối, chia sẻ, tích hợp với hệ thống thông tin chỉ huy ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn từ trung ương đến địa phương, hệ thống cơ sở dữ liệu nghiệp vụ của ngành Công an và các bộ, ngành liên quan; hoàn thành chuyển đổi số và cung cấp dịch vụ công mức độ cao nhất trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy;

- Thiết lập hệ thống Trung tâm thông tin chỉ huy điều hành phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại Trung ương và cấp tỉnh gắn với triển khai "Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy và truyền tin báo sự cố" trên cơ sở hạ tầng truyền dẫn cáp quang và mạng thông tin liên lạc vệ tinh Bộ Công an;

- Đảm bảo 100% các đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được trang bị hệ thống bộ đàm công nghệ số theo tiêu chuẩn định mức; 100% địa bàn trung tâm cấp tỉnh, cấp huyện và một số cấp xã gần địa bàn trung tâm được phủ sóng hệ thống bộ đàm công nghệ số; đảm bảo hệ thống hội nghị truyền hình kết nối đồng bộ từ Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đến Công an các đơn vị, địa phương, Trường Đại học phòng cháy, chữa cháy, Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

- Hoàn thành xây dựng hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy và truyền tin báo sự cố trên phạm vi cả nước;

- Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho các lực lượng phòng cháy, chữa cháy chuyên ngành, cơ sở, dân phòng và tình nguyện theo quy định của pháp luật;

- Thiết lập Trung tâm thông tin chỉ huy điều hành quốc gia về phòng cháy, chữa cháy rừng đặt tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Chi cục Kiểm lâm các vùng theo quy hoạch Lâm nghiệp.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY ĐỐI VỚI CÁC QUY HOẠCH CÓ LIÊN QUAN

1. Nội dung phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy trong quy hoạch tỉnh được tổ chức, phân bổ phù hợp với quy hoạch tỉnh, bảo đảm thống nhất, đồng bộ và phù hợp với Quy hoạch này, cụ thể:

- Mạng lưới trụ sở, doanh trại, công trình phục vụ phòng cháy và chữa cháy: Bố trí quỹ đất trong giai đoạn 2021 - 2030 đảm bảo diện tích đáp ứng nhu cầu sử dụng của lực lượng phòng cháy, chữa cháy; ưu tiên đáp ứng yêu cầu phát triển mạng lưới trụ sở, doanh trại, công trình của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đồng thời bảo đảm mỗi quận, huyện có tối thiểu 01 đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được bố trí tại trung tâm cấp huyện và tại các địa bàn trọng điểm về phòng cháy và chữa cháy;

- Hệ thống cung cấp nước phòng cháy, chữa cháy: Tuân thủ quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật số; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình; Tiêu chuẩn thiết kế về Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình và hướng dẫn của Bộ Xây dựng, Bộ Công an về thực hiện việc cấp nước phòng cháy, chữa cháy tại đô thị và khu công nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan trong thời kỳ quy hoạch;

- Hệ thống giao thông phục vụ phòng cháy, chữa cháy: Tuân thủ quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình và các quy định khác của pháp luật có liên quan trong thời kỳ quy hoạch;

- Hệ thống thông tin liên lạc phục vụ phòng cháy, chữa cháy: Tuân thủ theo quy định của Luật Viễn thông, Luật Tần số vô tuyến điện và các quy định khác của pháp luật có liên quan trong thời kỳ quy hoạch.

2. Nội dung phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy của các ngành, lĩnh vực trong quy hoạch ngành quốc gia phù hợp với phương hướng phát triển ngành, lĩnh vực và bảo đảm thống nhất, đồng bộ, phù hợp với Quy hoạch này.

IV. NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

1. Nhu cầu sử dụng đất phục vụ phát triển mạng lưới trụ sở, doanh trại, công trình của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đến năm 2030 khoảng 800 ha trong tổng số 72.330 ha đất an ninh quy định tại Nghị quyết số 39/2021/QH15 của Quốc hội về quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025.

2. Nhu cầu sử dụng đất dành cho hạ tầng phòng cháy và chữa cháy (hệ thống cung cấp nước, giao thông, thông tin liên lạc, trụ sở, doanh trại, công trình của lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành, cơ sở, dân phòng và tình nguyện) nằm trong quy hoạch tỉnh, ngành, lĩnh vực liên quan và không thuộc quy hoạch sử dụng đất an ninh.

V. NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ

1. Nhu cầu vốn đầu tư hạ tầng phòng cháy và chữa cháy (mạng lưới trụ sở, doanh trại, công trình; hệ thống thông tin liên lạc) cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đến năm 2030 dự kiến khoảng 89.332 tỷ đồng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn vốn ODA, nguồn vốn địa phương hỗ trợ; nguồn thu từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, đóng góp tự nguyện, tài trợ của các tổ chức, cá nhân và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, trong đó chủ yếu là nguồn ngân sách nhà nước.

2. Nhu cầu vốn đầu tư hạ tầng phòng cháy và chữa cháy tại các bộ, ngành, lĩnh vực và địa phương được xác định trong quá trình lập, phê duyệt các dự án cụ thể của các bộ, ngành, lĩnh vực và địa phương, được huy động từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn ngoài ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

VI. DANH MỤC DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

1. Tập trung đầu tư xây dựng trung tâm chỉ huy, trụ sở, doanh trại, công trình hiện đại cho các đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đảm bảo ổn định lâu dài và phù hợp với quy mô, tính chất hoạt động của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại Trung ương và địa phương.

2. Xây dựng Trung tâm huấn luyện thực hành phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Viện Nghiên cứu khoa học công nghệ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trung tâm bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trung tâm giáo dục cộng đồng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

VII. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Cơ chế, chính sách

- Rà soát, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, định mức... để tạo thành hành lang pháp lý thuận lợi cho hoạt động đầu tư, quản lý, khai thác, bảo trì hệ thống hạ tầng phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tiến bộ khoa học công nghệ, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội;

- Đẩy mạnh việc phân công, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong công tác đầu tư, quản lý hệ thống hạ tầng phòng cháy, chữa cháy; tập trung giải quyết những bất cập về cấp nước, giao thông phục vụ phòng cháy, chữa cháy,....;

- Xây dựng, hoàn thiện quy hoạch hạ tầng phòng cháy, chữa cháy gắn với quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn, trong đó phải có các giải pháp cụ thể đảm bảo về cấp nước, giao thông, thông tin liên lạc phục vụ phòng cháy và chữa cháy;

- Bổ sung, hoàn thiện chế độ, chính sách nhằm thu hút nhân lực phục vụ chuyên nghiệp trong lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, nhất là cán bộ, chiến sĩ trực tiếp chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và lái xe chữa cháy.

2. Công tác quản lý

- Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy cũng như trách nhiệm của các cấp, các ngành, các đơn vị, cơ sở, chủ hộ gia đình và cá nhân trong việc tổ chức thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy. Phân định rõ trách nhiệm thực hiện quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy, trách nhiệm đầu tư xây dựng các công trình liên quan đến phòng cháy và chữa cháy giữa các bộ, ngành và cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Luật Phòng cháy và chữa cháy và các quy định khác của pháp luật có liên quan trong thời kỳ quy hoạch;

- Đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp và tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho mọi tầng lớp nhân dân; đẩy mạnh xây dựng phong trào toàn dân phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ vừa có chiều rộng, vừa chuyên sâu, dễ hiểu, dễ tiếp thu, bằng các giải pháp cụ thể tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của các cấp, các ngành và nhân dân đối với công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

- Tăng cường kiểm tra đôn đốc các cấp, các ngành, các đơn vị, cơ sở trong việc thực hiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và hạ tầng phòng cháy và chữa cháy, đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm;

- Bảo đảm quân số và trang bị phương tiện cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo đúng tiêu chuẩn, định mức và cơ sở chiến đấu đáp ứng yêu cầu chính quy, tinh nhuệ, hiện đại và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

3. Phát triển nguồn nhân lực

- Điều chỉnh chỉ tiêu, nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Đại học phòng cháy, chữa cháy (gồm cả hệ dân sự) phù hợp nhu cầu hàng năm và từng thời kỳ;

- Chú trọng tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp đại học, trung học và công nhân lành nghề ngoài ngành Công an phù hợp với chuyên môn cần thiết cho công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; điều chỉnh chỉ tiêu lựa chọn số chiến sĩ nghĩa vụ có nguyện vọng phục vụ chuyên nghiệp trong lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phù hợp nhu cầu hàng năm và từng thời kỳ, tuyển chọn những người có sức khỏe tốt và kỹ năng để huấn luyện trở thành chiến sĩ chuyên nghiệp và cán bộ chuyên môn kỹ thuật cao, tinh thông về nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chính quy, tinh nhuệ, hiện đại;

- Đổi mới và đa dạng hóa hình thức, chương trình đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện ở trong nước và nước ngoài để nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy trong lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

- Củng cố và phát triển lực lượng phòng cháy và cháy chữa cháy cơ sở, chuyên ngành và dân phòng; nghiên cứu tổ chức lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tình nguyện để tăng cường nguồn nhân lực phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

4. Khoa học, công nghệ và môi trường

- Phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy thân thiện với môi trường trên cơ sở nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến, hiện đại, tăng cường công tác chuyển giao công nghệ trong xây dựng, quản lý, vận hành hạ tầng phòng cháy và chữa cháy;

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định... về phòng cháy, chữa cháy phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội và tiêu chuẩn quốc tế hoặc xu hướng hội nhập quốc tế;

- Xây dựng chính sách khuyến khích liên kết và chuyển giao công nghệ trong phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy;

- Nghiên cứu sản xuất, ứng dụng các loại phương tiện, thiết bị, vật liệu mới trong xây dựng, bảo trì hạ tầng phòng cháy và chữa cháy; hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu, phần mềm và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, điều hành, khai thác, bảo trì công trình hạ tầng phòng cháy và chữa cháy.

5. Hợp tác quốc tế

- Xây dựng chiến lược hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; tăng cường liên kết, hợp tác với các nước trong khu vực và các quốc gia tiên tiến trên thế giới có hạ tầng phòng cháy và chữa cháy phát triển; liên kết chuyển giao công nghệ quản lý, đầu tư xây dựng hạ tầng phòng cháy và chữa cháy giữa các nước;

- Đẩy mạnh việc đàm phán, ký kết và nâng cao hiệu quả thực hiện các điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và tìm kiếm cứu nạn mà Việt Nam là thành viên;

- Chủ động hội nhập, tranh thủ kinh nghiệm của các nước về đào tạo, huấn luyện để nâng cao năng lực, trình độ cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn phòng cháy và chữa cháy, đào tạo nguồn lực, chuyển giao công nghệ, kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm và an toàn phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

6. Huy động vốn đầu tư

- Phát huy nguyên tắc “Huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân tham gia hoạt động phòng cháy và chữa cháy” để huy động đa dạng các nguồn lực trong và ngoài nước, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy theo quy hoạch;

- Huy động nguồn vốn đầu tư cho công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ từ các nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn ODA, nguồn thu từ bảo hiểm cháy, nổ, nguồn đóng góp tự nguyện, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài và các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật, trong đó nguồn ngân sách nhà nước là chính;

- Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, Hiệp hội phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ Việt Nam và các tổ chức xã hội khác.

7. Công bố và giám sát thực hiện quy hoạch

- Tổ chức công bố Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong các tổ chức chính trị, các doanh nghiệp và nhân dân khi triển khai thực hiện;

- Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ trong quá trình thực hiện quy hoạch giữa trung ương và địa phương, bảo đảm các quy hoạch địa phương phải tuân thủ các định hướng của quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy khi phê duyệt kế hoạch sử dụng đất và quản lý quỹ đất; các bộ, ngành cần phối hợp chặt chẽ để xử lý các vấn đề có tính liên ngành, bảo đảm thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch;

- Phát huy vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng trong giám sát thực hiện quy hoạch;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công tác quản lý, thực hiện quy hoạch để bảo đảm quy hoạch được thực hiện đúng quy định. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về quy hoạch;

- Triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch theo Luật Quy hoạch; cụ thể hoá quy hoạch thành các kế hoạch 5 năm, hàng năm;

- Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật về quy hoạch, đầu tư, xây dựng, quản lý, khai thác hạ tầng phòng cháy và chữa cháy.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công an:

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch; định kỳ tổ chức sơ kết, đánh giá, rà soát tình hình thực hiện quy hoạch, kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

- Xây dựng, cập nhật, lưu trữ các cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch, cung cấp thông tin về quy hoạch vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

- Công bố quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch; triển khai xây dựng kế hoạch, tham mưu đề xuất các giải pháp cần thiết để triển khai quy hoạch đồng bộ, khả thi, hiệu quả;

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan cân đối, bố trí nguồn lực theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về ngân sách nhà nước để thực hiện quy hoạch.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ và các cơ quan, tổ chức liên quan:

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an xem xét, bố trí nguồn lực, đề xuất cơ chế, chính sách để thực hiện hiệu quả các mục tiêu của quy hoạch, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, các Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành, lĩnh vực;

- Rà soát, điều chỉnh, xây dựng các quy hoạch, các dự án có liên quan đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy hoạch này.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an bố trí nguồn lực, đề xuất cơ chế, chính sách để thực hiện hiệu quả các mục tiêu của quy hoạch, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, các Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương;

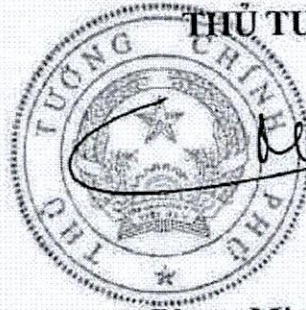
- Rà soát, điều chỉnh, xây dựng các quy hoạch, dự án có liên quan đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy hoạch này. Cập nhật những nội dung liên quan trong quy hoạch tỉnh để đảm bảo tuân thủ định hướng phát triển hệ thống hạ tầng phòng cháy và chữa cháy của địa phương theo quy hoạch này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2b). *110*



THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính



Phụ lục I
PHÂN VÙNG HÀ TÀNG PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

(Kèm theo Quyết định số 819/QĐ-TTg
ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Số thứ tự vùng	Tên Vùng	Số địa phương trong vùng	Các địa phương cấp tỉnh trong vùng	Địa phương trung tâm	Địa phương trọng điểm
1	Vùng trung du và miền núi phía Bắc	14	Phú Thọ, Hòa Bình, Yên Bái, Sơn La, Điện Biên, Lào Cai, Lai Châu, Hà Giang, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Bắc Giang, Cao Bằng	Thái Nguyên, Sơn La	Phú Thọ; Lào Cai; Lạng Sơn
2	Vùng đồng bằng sông Hồng	11	Hà Nội, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hà Nam, Vĩnh Phúc, Quảng Ninh, Hải Dương, Hải Phòng, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình	Hà Nội	Hải Phòng, Quảng Ninh, Nam Định
3	Vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung	14	Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Quảng Bình, Đà Nẵng, Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận	Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Khánh Hòa	Thanh Hóa, Nghệ An, Bình Định
4	Vùng Tây Nguyên	5	Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng	Đắk Lắk, Lâm Đồng	Gia Lai
5	Vùng Đông Nam Bộ	6	Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Phước, Tây Ninh, Bình Dương	Thành phố Hồ Chí Minh	Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương
6	Vùng đồng bằng sông Cửu Long	13	Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng, Cà Mau, Bạc Liêu, Kiên Giang, An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Trà Vinh, Bến Tre, Tiền Giang, Long An	Cần Thơ, Kiên Giang	Đồng Tháp, Tiền Giang, Long An



Phụ lục II
DANH MỤC ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN
MẠNG LƯỚI DOANH TRẠI, TRỤ SỞ CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY
VÀ CỨU NẠN CỨU HỘ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 819 /QĐ-TTg
ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tỉnh/thành phố	Hiện trạng		Quy hoạch đến năm 2030		Tầm nhìn đến năm 2050	
		Số vị trí đất PCCC	Diện tích (Ha)	Số vị trí đất PCCC	Tổng diện tích (Ha)	Số vị trí đất PCCC	Tổng diện tích (Ha)
1	An Giang	5	1,601	8	3,70		-
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	7	4,421	24	7,52		-
3	Bắc Giang	4	3,946	10	6,55		-
4	Bắc Kạn	1	0,860	4	33,60	5	16,70
5	Bạc Liêu	3	2,140	9	5,60		-
6	Bắc Ninh	1	0,537	4	6,65	9	2,70
7	Bến Tre	4	1,522	13	5,16	5	4,17
8	Bình Định	3	1,283	12	6,00		-
9	Bình Dương	11	10,202	34	11,00		-
10	Bình Phước	6	9,120	11	16,62		-
11	Bình Thuận	4	3,326	17	17,20		-
12	Cà Mau	2	1,245	8	28,52	8	4,83
13	Cần Thơ	10	3,493	12	9,46	5	3,59
14	Cao Bằng	1	0,636	12	12,00		-
15	Đà Nẵng	16	8,101	2	0,32	6	5,86
16	Đắk Lắk	8	18,131	17	9,00		-
17	Đắk Nông	3	2,634	10	15,92		-
18	Điện Biên	10	10,789	12	5,00		-
19	Đồng Nai	10	9,164	13	25,69	15	6,90
20	Đồng Tháp	6	5,252	4	3,50		-
21	Gia Lai	4	6,069	19	33,50		-
22	Hà Giang	1	0,984	11	9,21		-
23	Hà Nam	4	2,399	8	4,80		-




STT	Tỉnh/thành phố	Hiện trạng		Quy hoạch đến năm 2030		Tầm nhìn đến năm 2050	
		Số vị trí đất PCCC	Diện tích (Ha)	Số vị trí đất PCCC	Tổng diện tích (Ha)	Số vị trí đất PCCC	Tổng diện tích (Ha)
24	Hà Nội	26	12,771	21	9,85		-
25	Hà Tĩnh	3	1,621	12	14,60		-
26	Hải Dương	1	0,604	30	49,56		-
27	Hải Phòng	9	5,045	5	2,00	12	11,10
28	Hậu Giang	2	1,679	3	2,50	4	4,00
29	Hòa Bình	2	1,156	9	4,89	1	0,50
30	Hung Yên	3	1,066	12	8,30	1	0,50
31	Khánh Hòa	5	0,930	12	14,21		-
32	Kiên Giang	5	3,339	28	14,07		-
33	Kon Tum	1	0,364	10	9,28		-
34	Lai Châu	3	2,635	8	8,00		-
35	Lâm Đồng	6	4,237	11	10,77		-
36	Lạng Sơn	1	0,466	9	13,52	4	2,40
37	Lào Cai	2	0,589	7	4,90	5	9,09
38	Long An	5	2,019	20	17,01	1	2,00
39	Nam Định	2	1,702	9	10,21	8	5,60
40	Nghệ An	8	9,820	6	8,60	16	23,90
41	Ninh Bình	2	1,957	6	12,17	2	4,00
42	Ninh Thuận	1	0,500	4	12,70		-
43	Phú Thọ	5	3,638	24	54,65	1	2,00
44	Phú Yên	2	1,717	1	2,00	6	6,50
45	Quảng Bình	3	1,692	3	3,00	4	3,74
46	Quảng Nam	4	3,403	23	6,90		-
47	Quảng Ngãi	5	7,427	16	9,50		-
48	Quảng Ninh	13	7,989	6	6,60		-
49	Quảng Trị	5	3,920	23	16,89		-
50	Sóc Trăng	1	0,179	11	5,40		-
51	Sơn La	5	2,957	12	11,04	14	21,50
52	Tây Ninh	2	1,877	3	12,00		-
53	Thái Bình	3	1,739	7	4,52	1	2,00

STT	Tỉnh/thành phố	Hiện trạng		Quy hoạch đến năm 2030		Tầm nhìn đến năm 2050	
		Số vị trí đất PCCC	Diện tích (Ha)	Số vị trí đất PCCC	Tổng diện tích (Ha)	Số vị trí đất PCCC	Tổng diện tích (Ha)
54	Thái Nguyên	2	2,000	12	12,00		-
55	Thanh Hóa	5	8,933	21	38,50	5	9,44
56	Thừa Thiên Huế	4	2,849	10	9,30		-
57	Tiền Giang	3	0,866	4	1,25	7	7,28
58	TP. Hồ Chí Minh	32	16,905	17	18,69		-
59	Trà Vinh	8	4,925	13	7,00	5	2,50
60	Tuyên Quang	3	3,741	8	18,23		-
61	Vĩnh Long	4	1,791	10	4,16	1	0,50
62	Vĩnh Phúc	6	35,436	8	12,95	3	3,00
63	Yên Bái	2	2,203	9	5,61		-
64	Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	3	35,648	2(*)	30,00		-
65	Trường Đại học phòng cháy và chữa cháy	4	33,454		-		-
Cộng		335	345,641	739	793,86	154	166,30

Ghi chú:

- Việc xác định phạm vi ranh giới, khoanh định đất đai đối với mạng lưới doanh trại, trụ sở Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ được đề cập tại Phụ lục này đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sẽ được thực hiện trong Quy hoạch cấp tỉnh, trên cơ sở phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của địa phương và tích hợp với định hướng quy hoạch sử dụng đất An ninh;
- Các địa phương tập trung nguồn lực thực hiện tốt các chỉ tiêu quy hoạch trên; quá trình tổ chức thực hiện, nếu có nhu cầu phát sinh nhu cầu sử dụng đất đáp ứng yêu cầu phát triển lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ chính quy, tinh nhuệ, hiện đại báo cáo cấp thẩm quyền quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của pháp luật;
- (*) Quy hoạch Trung tâm Huấn luyện và ứng phó về công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Bộ Công an khu vực miền Nam (15 ha) tại Thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm Huấn luyện và ứng phó về công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Bộ Công an khu vực miền Trung (15 ha) tại thành phố Đà Nẵng.


Phụ lục III
DANH MỤC DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA, DỰ ÁN ƯU TIÊN
THEO ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH HẠ TẦNG PHÒNG CHÁY
VÀ CHỮA CHÁY THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 819/QĐ-TTg
ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRỤ SỞ, DOANH TRẠI ĐƠN VỊ CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

TT	Nội dung	Số công trình
I	Mạng lưới trụ sở, doanh trại, công trình ở Trung ương	12
1	Xây dựng Trung tâm chỉ huy lực lượng Phòng cháy chữa cháy Bộ Công an 1.	1
2	Xây dựng Trung tâm huấn luyện và ứng phó khẩn cấp về PCCC và CNCH khu vực phía Bắc 2.	3
3	Xây dựng Viện nghiên cứu khoa học công nghệ PCCC và CNCH.	1
4	Xây dựng Trung tâm bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện PCCC và CNCH.	3
5	Xây dựng Kho phương tiện PCCC và CNCH.	1
6	Trung tâm giáo dục cộng đồng về PCCC và CNCH (ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh)	2
7	Bảo tàng PCCC Việt Nam.	1
II	Tại Công an các địa phương	718
Tổng cộng		730

- Dự án đã được Bộ Công an phê duyệt chủ trương đầu tư theo Quyết định số 7369/QĐ-BCA-H01 ngày 10 tháng 10 năm 2022.
- Đầu tư theo dự án "Nâng cao năng lực cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ" sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Nhật Bản đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 299/QĐ-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2020.